TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: **131**/2020/HC-PT
Ngày 17 - 7 - 2020

V/v: "Kiện QĐHC, HVHC trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh;

Ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 49/2019/TLPT-HC ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Kiện QĐHC, HVHC trong lĩnh vực quản lý đất đai*", do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1083/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Bùi B; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đình Q; cùng địa chỉ: Khối phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn S, Luật sư VPLS Nguyễn S, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: 73 đường P1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

**** Người bị kiện***:

1. UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Q - Chủ tịch UBND thành phố T. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S – Phó Chủ tịch. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Đinh Hữu Tr – Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Có mặt.

- Ông Trương Công B1 – Cán bộ địa chính phường T1, thành phố T. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. UBND phường T1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Có văn bản xin không tham gia xét xử phúc thẩm.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Minh C – Chủ tịch. Vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị T2**,** sinh năm 1939; địa chỉ: Khối phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2: Ông Bùi Đình Q (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019). Có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Người khởi kiện ông Bùi B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các văn bản có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Đình Q trình bày:

Nguyên trước đây năm 1979, gia đình ông Bùi B khai hoang và được Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) T1 giao khoán một đám ruộng có diện tích 598m^2 tại xứ đồng G (nay thuộc phường T1, thành phố T), hiện nay vẫn còn ranh giới, mốc giới cụ thể của thửa đất. Gia đình ông B có kê khai theo hồ sơ 299/TTg phần đất này thuộc thửa số 811, tờ bản đồ số 3. Đến khoảng năm 1994 thì gia đình ông B cho ông Huỳnh Văn N1 (đã chết) làm sân phơi gạch, đến năm 2000 thì UBND thị xã T không cho ông N sản xuất gạch nữa. Từ lúc này, gia đình ông B đã yêu cầu ông N trả lại diện tích đất trên, nhiều lần yêu cầu UBND phường T1 can thiệp nhưng không được giải quyết. Được biết, theo hồ sơ 60/CP thì phần đất này thuộc một phần của thửa đất số 295, tờ bản đồ số 62, diện tích 2.223,3m^2 do UBND phường T1 kê khai đăng ký.

Trên thực tế, diện tích đất nếu trên chưa được nhà nước thu hồi để giao cho bất kỳ người nào khác từ năm 2000 đến nay, mà UBND phường T1 chỉ tự ý kê khai đăng ký theo hồ sơ 60/CP mà gia đình ông B không hề hay biết, không được thông báo gì về việc kê khai đất đai sử dụng trước năm 1993 để kê khai phần này. Do đó, ông Bùi B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 907/UBND-TNMT ngày 24/5/2018, Thông báo số 325/TB-UBND ngày 29/01/2019 của UBND thành phố T và Buộc UBND thành phố T và UBND phường T1 giao trả diện tích đất 598m^2 (theo kê khai 299/TTg diện tích này

thuộc thửa số 811, tờ bản đồ số 3 nay theo hồ sơ 60/CP là một phần thửa số 295, tờ bản đồ số 62) tại phường T1, thành phố T cho ông Bùi B theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 thống nhất trình bày của người khởi kiện, không có ý kiến gì khác.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Hiện trạng thửa đất ông Bùi B khởi kiện không có trên thực tế, không có ranh giới, không có bất kì tài sản nào trên đất. Theo hồ sơ 299/TTg diện tích ông B khởi kiện tại thửa 811, tờ bản đồ số 3 do HTX T1 kê khai đăng ký, HTX có giao khoán cho các xã viên. Năm 1993, 1994 HTX Nông nghiệp T1 giải thể toàn bộ đất được giao lại cho UBND phường T1 quản lý sử dụng. Khi đó ông N có xin UBND phường T1 và mua thêm một số diện tích đất xung quanh để xây lò gạch từ 1994-2000, việc thỏa thuận giữa ông B và ông N như thế nào UBND thành phố T không rõ. Sau đó Nhà nước có chủ trương cấm sản xuất gạch thủ công thì ông N bỏ không sản xuất, không ai quản lý sử dụng. Theo hồ sơ 60/CP (năm 2005) diện tích đất này là thửa 295, tờ bản đồ 62 do UBND phường T1 kê khai đăng ký. Đến tháng 2/2018 hộ ông Bùi B có đơn khiếu nại yêu cầu trả đất và công nhận quyền sử dụng đất như yêu cầu khởi kiện, lúc bấy giờ diện tích này đã được giao cho ban quản lý đền bù để xây dựng công trình công cộng.

Công văn 907/UBND-TNMT ngày 24/5/2018 của UBND T được giải quyết đảm bảo đúng quy định pháp luật, thực tế gia đình ông Bùi B không trực tiếp quản lý sử dụng và kê khai đăng ký đối với thửa đất trên.

Do đó, Công văn 907/UBND ngày 24/5/2018 và Thông báo 325/TB-UBND ngày 29/01/2019 của UBND thành phố T là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Bùi B.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, đại diện người bị kiện Ủy ban nhân dân phường T1 trình bày:

Hợp tác xã nông nghiệp T1 được thành lập và đi vào hoạt động năm 1978, đến cuối năm 1992 và đầu năm 1993 thì giải thể. Việc giao khoán đất sản xuất cho các hộ xã viên lúc bấy giờ được thực hiện phân chia theo diện tích có của từng đội sản xuất nhưng vẫn do Hợp tác xã nông nghiệp quản lý. Sau khi Hợp tác xã nông nghiệp giải thể thì giao lại toàn bộ cho UBND phường T1 quản lý. Theo hồ sơ 299/TTg thửa đất khởi kiện là thửa đất số 811, tờ bản đồ số 3, diện tích 598m^2. Theo hồ sơ 60/CP thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ 62, diện tích 2223,3m^2 do UBND phường T1 quản lý. Theo hồ sơ 60/CP hộ ông Bùi B có kê khai đăng ký tại thửa đất số 69, tờ bản đồ 70, diện tích 426,3m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có kê khai đối với thửa đất tranh

chấp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Bùi B là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác yêu cầu.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 31, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 158; điểm a, khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 9, Điều 11 Luật khiếu nại 2011; các Điều 168, 170 Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi B về yêu cầu hủy các Công văn số 907/UBND-TNMT ngày 24/5/2018; Thông báo số 325/TB-UBND ngày 29/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc UBND thành phố T và UBND phường T1 giao trả diện tích đất 598m^2 (theo kê khai 299/TTg diện tích này thuộc thửa số 811, tờ bản đồ số 3 nay theo hồ sơ 60/CP là một phần thửa số 295, tờ bản đồ số 62) tại phường T1, thành phố T cho ông Bùi B.

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 02/10/2019 người khởi kiện ông Bùi B kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Ông Bùi B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Luật sư Nguyễn S bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi B: Nguyên diện tích đất đang khiếu nại là do ông Bùi B khai hoang vào năm 1979 và được Hợp tác xã giao khoán để sản xuất lúa. Sau đó, vào năm 1994 ông cho ông N mượn làm sân phơi gạch. Đến năm 2000 Hợp tác xã không cho làm gạch nữa, ông đã yêu cầu ông N trả lại nhưng không được nên đã phát sinh khiếu kiện. Thực tế đến thời điểm hiện nay thửa đất trên chưa có quyết định thu hồi hay giao cho cá nhân khác sử dụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Bùi B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Uỷ ban nhân dân thành phố T trả lại đất cho ông B hoặc trả bằng giá trị theo giá thị trường.

Ý kiến của ông Bùi Đình Q: Thống nhất như ý kiến của Luật sư.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp

hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Ông Bùi B kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Bùi B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm, Ủy ban nhân dân phường T1 tại Báo cáo số 99/UBND ngày 14/7/2020 xin không tham gia xét xử phúc thẩm với lý do ông Huỳnh Minh C - Chủ tịch UBND phường đã lâm bệnh và chết. Xét thấy, đây là phiên toà được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ ba, căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện của UBND phường T1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi B đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, huỷ Công văn số 907/UBND-TNMT ngày 24/5/2018 của UBND thành phố T về giải quyết trả lời đơn của ông Bùi B đối với kiến nghị giao trả đất và công nhận quyền sử dụng đất hoặc bồi thường, trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi B. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về nguồn gốc diện tích đất đang khởi kiện: Ông Bùi B được HTX nông nghiệp T1 giao khoán một diện tích đất tại xứ đồng G để sản xuất, thuộc loại đất 5% của HTX. Đến năm 1993, 1994 HTX nông nghiệp T1 giải thể, ông Bùi B cho rằng cho ông Huỳnh Văn N1 mượn làm sân phơi gạch nhưng ông B không cung cấp được hợp đồng cho mượn hay cho thuê. Sau khi HTX nông nghiệp T1 giải thể, toàn bộ đất đai được giao cho UBND phường T1 quản lý, ông B là người địa phương nhưng không có kê khai đăng ký thửa đất theo qui định. Theo hồ sơ 299/TTg diện tích này thuộc thửa số 811, tờ bản đồ số 3; theo hồ sơ 60/CP là một phần thửa số 295, tờ bản đồ số 62, diện tích 2.223,3m^2, đất lò gạch đều do UBND phường T1 kê khai đăng ký. Trong khi đó, theo hồ sơ 299/TTg, hộ ông Bùi B kê khai đăng ký tại thửa 542, tờ bản đồ số 7, diện tích 500 m^2. Theo hồ sơ 60/CP hộ ông B có kê khai đăng ký tại thửa đất số 69, tờ bản đồ 70, diện tích 426,3m^2. Theo hồ sơ năm 2005 thì ông Bùi Q (con ông Bùi B) kê khai tại thửa 165, tờ bản đồ 69 diện tích 737,7m^2 và hiện nay ông Bùi B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất. Đối chiếu hồ sơ cơ sở dữ liệu quản lý đất đai lập năm 2015 thì diện tích đất mà ông Bùi B yêu cầu trả lại cho ông thuộc thửa 90, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.339,4m^2 loại đất BCS (đất bằng chưa sử dụng) do UBND phường T1 quản lý.

Ông Bùi B không cung cấp được được tài liệu chứng cứ chứng minh việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đã sử dụng đất từ năm 1994 đến nay đối với diện tích 598m^2. Từ năm 2000 đến nay, thửa đất ông B khiếu kiện không ai sử dụng, vẫn do UBND phường T1 quản lý và hiện nay đã được UBND thành phố T giao cho Ban quản lý đền bù để xây dựng công trình công cộng.

[4] Xét thấy, ông Bùi B kiến nghị UBND thành phố T giao trả đất và công nhận quyền sử dụng đất hoặc bồi thường, trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi B tại thửa đất nói trên, UBND thành phố T căn cứ khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai 2013 trả lời kiến nghị của ông Bùi B là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sau khi nhận được Công văn số 907/UBND-TNMT ngày 24/5/2018 của UBND thành phố T đến ngày 23/1/2019 ông mới có đơn khiếu nại là đã hết thời hiệu khiếu nại theo Điều 9 của Luật khiếu nại. Vì vậy, UBND thành phố T Thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Bùi B tại Thông báo số 325/TB-UBND ngày 29/1/2019 là có cơ sở.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy quyết định của bản án hành chính sơ thẩm là có căn cứ, ông Bùi B kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để xem xét làm thay đổi quyết định của bản án hành chính sơ thẩm; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp, bác yêu cầu kháng cáo của ông Bùi B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi B phải chịu; tuy nhiên ông B là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ông B đã có đơn xin được miễn án phí, do vậy ông B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật khiếu nại 2011; các Điều 168, 170 của Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Bùi B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2019/HC-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi B về yêu cầu hủy các Công văn số 907/UBND-TNMT ngày 24/5/2018; Thông báo số 325/TB-UBND ngày 29/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T.

3. Không chấp nhận yêu cầu buộc UBND thành phố T và UBND phường T1 giao trả diện tích đất 598m^2 (theo kê khai 299/TTg diện tích này thuộc thửa số 811, tờ bản đồ số 3 nay theo hồ sơ 60/CP là một phần thửa số 295, tờ bản đồ số 62) tại phường T1, thành phố T cho ông Bùi B.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Bùi B là người cao tuổi và đã có đơn xin được miễn án phí, do vậy ông B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông